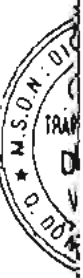


CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 34

311250
ÔNG
PHIÊN
LỜI
VIỆT N
ĐA -

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Văn Thăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Dương	Ủy viên
Ông La Văn Út	Ủy viên
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trung Khanh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Lưu Văn Thăng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông La Văn Út	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trung Khanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Số 6/5 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

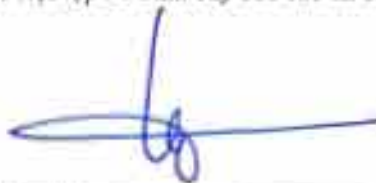
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		191.587.611.475	186.418.787.850
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.152.512.970	62.910.959.355
1. Tiền	111		13.152.512.970	42.910.959.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.891.489.222	82.370.736.687
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	60.424.456.140	55.089.446.913
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	969.188.088	2.691.007.213
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	31.497.844.994	24.590.282.561
III. Hàng tồn kho	140	9	40.517.921.609	40.809.411.698
1. Hàng tồn kho	141		40.627.346.851	40.918.836.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.425.242)	(109.425.242)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.687.674	327.680.110
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.687.674	11.900.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	315.780.110
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.521.567.842.658	1.755.921.746.620
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.391.204.000	1.391.204.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.391.204.000	1.391.204.000
II. Tài sản cố định	220		1.403.723.954.079	1.656.447.106.266
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.376.698.982.859	1.628.809.130.550
- Nguyên giá	222		3.495.936.210.266	3.494.838.266.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.119.237.227.407)	(1.866.029.135.748)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	27.024.971.220	27.637.975.716
- Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.226.008.991)	(613.004.495)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	823.060.782	6.211.796.065
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		823.060.782	6.211.796.065
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	115.629.623.797	91.871.640.289
1. Đầu tư vào công ty con	251		105.000.000.000	75.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	5.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	66.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.870.376.203)	(54.628.359.711)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.713.155.454.133	1.942.340.534.470

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

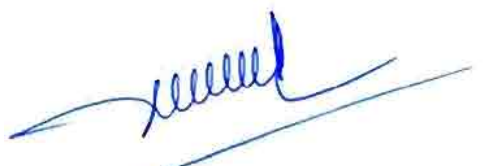
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		626.359.175.577	893.491.906.590
I. Nợ ngắn hạn	310		368.411.415.577	389.630.332.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	22.304.954.001	25.349.353.070
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	36.363.636.364	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	15.886.219.159	6.660.322.283
4. Phải trả người lao động	314		19.632.365.563	24.861.944.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.326.756.211	18.093.644.727
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.061.263.991	29.280.989.735
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	238.821.071.090	262.105.894.590
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	19.600.000.000	19.252.420.600
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.415.149.198	4.025.762.918
II. Nợ dài hạn	330		257.947.760.000	503.861.574.067
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	257.947.760.000	503.861.574.067
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.086.796.278.556	1.048.848.627.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.086.796.278.556	1.048.848.627.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		245.090.870.947	233.165.170.548
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.834.317.276	28.812.366.999
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		54.834.317.276	28.812.366.999
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.713.155.454.133	1.942.340.534.470



Phan Nhân Tri
Người lập biểu




Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

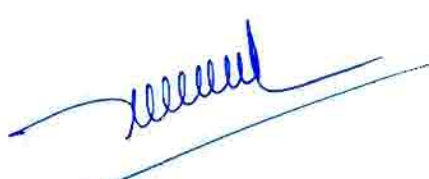
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃU SỐ B 02-DN

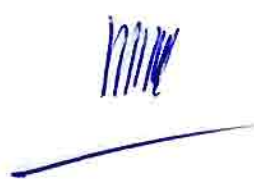
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	772.128.705.058	716.560.378.441
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		772.128.705.058	716.560.378.441
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	625.298.386.742	576.775.395.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		146.830.318.316	139.784.982.628
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	21.732.569.170	13.297.656.989
7. Chi phí tài chính	22	27	70.125.646.462	66.594.711.428
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.934.468.667	55.345.002.342
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	32.918.132.246	24.599.746.675
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		65.519.108.778	61.888.181.514
10. Thu nhập khác	31	29	593.134.734	2.185.285.403
11. Chi phí khác	32		685.917.542	690.294.907
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(92.782.808)	1.494.990.496
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		65.426.325.970	63.383.172.010
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	10.592.008.694	10.910.805.211
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		54.834.317.276	52.472.366.799




Phan Nhân Trí
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

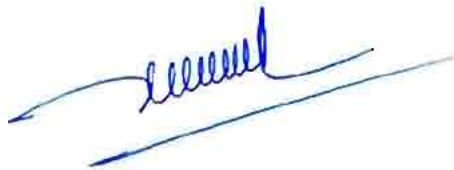
CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	65.426.325.970	63.383.172.010
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	254.985.352.187	255.093.132.535
Các khoản dự phòng	03	26.229.717.734	3.770.312.506
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	25.037.344.924	10.146.363.433
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(21.606.677.630)	(11.447.626.762)
Chi phí lãi vay	06	35.934.468.667	55.345.002.342
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	386.006.531.852	376.298.356.064
Thay đổi các khoản phải thu	09	(311.803.735)	11.502.315.630
Thay đổi hàng tồn kho	10	291.490.089	(923.009.822)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.598.381.054	6.875.245.641
Thay đổi chi phí trả trước	12	(13.787.674)	(2.762.408.000)
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.568.123.213)	(58.092.976.726)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.860.539.252)	(14.501.624.384)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.786.426.000)	(7.825.519.550)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	334.355.723.121	310.562.378.853
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.690.382.255)	(328.972.727)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	332.727.272	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	7.199.500.000	1.399.078.293
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.135.175.868	4.942.943.129
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(14.022.979.115)	(13.986.951.305)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(294.102.024.326)	(258.554.693.779)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35	(30.989.115.775)	(24.050.989.225)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(325.091.140.101)	(282.605.683.004)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.758.396.095)	13.969.744.544
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	62.910.959.355	48.939.784.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(50.290)	1.430.810
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	58.152.512.970	62.910.959.355



Phan Nhân Tri
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 9 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 798.666.660.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex góp 52%, còn lại là các cổ đông khác.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco đặt tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh của Công ty đặt tại tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 320 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 312 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển; kinh doanh nhà ở; đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải đường biển; dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển, cho thuê thuyền viên, môi giới hàng hải; lái dật tàu biển; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có hai công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty	Hoạt động	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	Vận tải, kinh doanh xăng dầu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Dịch vụ hàng hải	Công ty con

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá là 26.818.946.595 đồng với thời hạn sử dụng đến năm 2057 và giá trị quyền sử dụng đất tại thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 1.432.033.616 đồng với thời hạn sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất với thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm hoạt động tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm, Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện kiểm tra thuế năm 2012 của Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo này, cơ quan thuế chưa ban hành kết luận kiểm tra về số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm (nếu có) liên quan tới việc xác định lại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 của Công ty.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	230.485.386	282.410.651
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.922.027.584	42.628.548.704
Các khoản tương đương tiền (i)	45.000.000.000	20.000.000.000
	<u>58.152.512.970</u>	<u>62.910.959.355</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	60.323.802.000	47.598.274.848
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100.654.140	7.491.172.065
	<u>60.424.456.140</u>	<u>55.089.446.913</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	<u>60.424.456.140</u>	<u>55.089.446.913</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
PT. Spectra Samura Line	-	1.735.100.000
PT Bintang Samudra Utama	-	359.231.826
Wilhelmsen Ships Service	126.675.000	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Tân Hoàng	123.394.200	-
Khác	719.118.888	596.675.387
	<u>969.188.088</u>	<u>2.691.007.213</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	20.360.158.742	11.135.175.868
Phải thu về các khoản chi hộ	6.919.514.167	11.435.801.289
Tạm ứng cho người lao động	1.447.400.517	1.287.332.073
Các khoản phải thu khác	2.770.771.568	731.973.331
	<u>31.497.844.994</u>	<u>24.590.282.561</u>
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	<u>27.451.680.021</u>	<u>22.966.443.969</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.383.994.163	(109.425.242)	40.643.490.292	(109.425.242)
Công cụ, dụng cụ	243.352.688	-	275.346.648	-
	<u>40.627.346.851</u>	<u>(109.425.242)</u>	<u>40.918.836.940</u>	<u>(109.425.242)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	2.288.936.278	174.339.147	3.491.850.750.804	524.240.069	3.494.838.266.298
Mua sắm mới	-	-	2.262.200.000	-	2.262.200.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.164.256.032)	-	(1.164.256.032)
Tại ngày 31/12/2015	2.288.936.278	174.339.147	3.492.948.694.772	524.240.069	3.495.936.210.266
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	1.918.643.410	174.339.147	1.863.411.913.122	524.240.069	1.866.029.135.748
Trích khấu hao trong năm	123.430.956	-	254.248.916.735	-	254.372.347.691
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.164.256.032)	-	(1.164.256.032)
Tại ngày 31/12/2015	2.042.074.366	174.339.147	2.116.496.573.825	524.240.069	2.119.237.227.407
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	246.861.912	-	1.376.452.120.947	-	1.376.698.982.859
Tại ngày 31/12/2014	370.292.868	-	1.628.438.837.682	-	1.628.809.130.550

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.231.448.258.078 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.431.925.206.062 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.160.061.909 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.887.531.214 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	28.250.980.211
Tại ngày 31/12/2015	28.250.980.211
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	613.004.495
Trích khấu hao trong năm	613.004.496
Tại ngày 31/12/2015	1.226.008.991
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	27.024.971.220
Tại ngày 31/12/2014	27.637.975.716

Tài sản cố định vô hình phản ánh quyền sử dụng đất tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 26.818.946.595 đồng với thời hạn sử dụng đến năm 2057 và giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 1.432.033.616 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Báo cáo tài chính riêng

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	823.060.782	518.272.727
- Sửa chữa tài sản cố định	-	5.693.523.338
	<u>823.060.782</u>	<u>6.211.796.065</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	105.000.000.000	-	105.000.000.000	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	90.000.000.000	-	90.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	5.000.000.000	(2.978.715.404)	2.021.284.596
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang (i)	-	-	-	5.000.000.000	(2.978.715.404)	2.021.284.596

(i) Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang đã tăng vốn điều lệ từ 25.000.000.000 đồng lên 27.400.000.000 đồng dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của Công ty giảm từ 20% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 xuống 18,25% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang từ Đầu tư vào công ty liên kết sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và phân loại lại khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tương ứng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(ii) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Do Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần An Phú	53.500.000.000	53.500.000.000
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	5.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	-	7.000.000.000
	<u>64.500.000.000</u>	<u>66.500.000.000</u>
Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	(53.870.376.203)	(51.649.644.307)
	<u>(53.870.376.203)</u>	<u>(51.649.644.307)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Bao gồm giá trị dự phòng trích lập cho các loại cổ phiếu sau:

- Dự phòng giảm giá 625.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú với số tiền 51.500.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 51.500.000.000 đồng). Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào giá giao dịch trung bình được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số tiền 166.778.572 đồng. Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào tỷ lệ góp vốn thực tế và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang với số tiền 2.203.597.631 đồng. Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào tỷ lệ góp vốn thực tế và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
	Giá trị/ Số có	Giá trị/ Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vietsea PTE	13.424.573.581	8.454.975.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	3.613.078.025	3.834.339.129
Chi nhánh Hóa Dầu Sài Gòn - Tổng Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex	2.343.922.460	1.711.778.883
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Sài Gòn	-	3.215.290.000
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	1.359.073.028
Các đối tượng khác	2.923.379.935	6.773.897.030
	22.304.954.001	25.349.353.070
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	6.225.820.185	8.596.990.918

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	36.363.636.364	-
	36.363.636.364	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	36.363.636.364	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm			31/12/2015 VND
	31/12/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	2.580.596.033	53.493.782.911	48.254.821.044	7.819.557.900
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.580.596.033	51.748.732.895	46.509.771.028	7.819.557.900
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.745.050.016	1.745.050.016	-
Thuế nhập khẩu	-	931.856.794	931.856.794	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.601.354.677	10.592.008.694	6.860.539.252	7.332.824.119
Các loại thuế khác	162.591.463	3.757.961.918	3.186.716.241	733.837.140
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	(315.076.110)	3.115.450.257	2.098.331.232	702.042.915
Thuế khác	477.667.573	639.511.661	1.085.385.009	31.794.225
Các khoản phải nộp khác	-	32.803.102	32.803.102	-
Cộng	6.344.542.173	68.808.413.419	59.266.736.433	15.886.219.159
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	315.780.110	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.660.322.283	-	-	15.886.219.159

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	315.780.110
	-	315.780.110

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.819.557.900	2.580.596.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.332.824.119	3.601.354.677
Thuế thu nhập cá nhân	702.042.915	704.000
Các loại thuế khác	31.794.225	477.667.573
	15.886.219.159	6.660.322.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Dự trả chi phí lãi vay	2.295.541.445	13.003.505.820
Dự trả cảng phí	1.412.624.852	3.521.091.000
Dự trả chi phí thuê tàu Vietsea	2.550.954.356	-
Dự trả chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	96.054.000	1.085.257.574
Chi phí phải trả khác	971.581.558	483.790.333
	<u>7.326.756.211</u>	<u>18.093.644.727</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	652.094.175	23.754.543.350
Phải trả khác Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex	1.150.572.660	128.177.359
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	881.971.125	670.151.381
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	835.116.444	2.149.427.412
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco	761.299.450	734.292.108
Kinh phí công đoàn	946.958.900	730.869.416
Các khoản khác	833.251.237	1.113.528.709
	<u>6.061.263.991</u>	<u>29.280.989.735</u>
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	<u>3.628.959.679</u>	<u>16.121.613.360</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Dự phòng sửa chữa lớn tàu Petrolimex</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	19.252.420.600	19.252.420.600
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	26.987.701.242	26.987.701.242
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(26.640.121.842)	(26.640.121.842)
Tại ngày cuối năm	<u>19.600.000.000</u>	<u>19.600.000.000</u>

Căn cứ theo Công văn số 7499/BTC-CDKT ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính trả lời Công ty về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển theo chu kỳ lên đà sửa chữa 2 năm/lần. Số dư trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định bằng 1/2 chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đối với các tàu phải lên đà sửa chữa trong năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiết biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm 2015 của Công ty như sau:

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Lỗ chênh lệch tỷ giá	Trả gốc vay	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
Hợp đồng số 0007/TD1/06CN (i)	220.203.937.500	220.203.937.500	6.792.975.000	92.095.012.500	134.901.900.000	134.901.900.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex						
Hợp đồng số 20/2008/Vitaco-HĐTD (ii)	288.967.500.000	288.967.500.000	10.128.000.000	96.235.500.000	202.860.000.000	202.860.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính						
Hợp đồng số 01/2008/Vitaco.VCB-HĐTD (iii)	104.137.711.657	104.137.711.657	2.676.027.523	53.670.426.090	53.143.313.090	53.143.313.090
Hợp đồng số 02/2008/Vitaco.VCB-HĐTD (iv)	152.658.319.500	152.658.319.500	5.306.384.236	52.101.085.736	105.863.618.000	105.863.618.000
Cộng	765.967.468.657	765.967.468.657	24.903.386.759	294.102.024.326	496.768.831.090	496.768.831.090
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	262.105.894.590				238.821.071.090	
Số phải trả sau 12 tháng	503.861.574.067				257.947.760.000	

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm những khoản vay sau:

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0007/TD1/06CN ngày 22 tháng 11 năm 2006. Số tiền vay tối đa là 39.900.000 USD, dùng để thanh toán 80% tiền mua tàu Petrolimex 09. Thời hạn vay 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2013, lãi suất được quy định là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 5.985.000 USD, tương đương 134.901.900.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.287.500 USD, tương đương 220.203.937.500 đồng).

Ngày 11 tháng 5 năm 2009, Công ty đã ký kết hợp đồng hoán đổi lãi suất với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex để phòng ngừa rủi ro lãi suất cho Hợp đồng tín dụng số 0007/TD1/06CN. Theo đó, thay vì phải trả lãi theo lãi suất biến đổi, Công ty sẽ trả lãi với mức lãi suất cố định cho hợp đồng nêu trên.

- (ii) Khoản vay dài hạn đồng tài trợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) làm đầu mối theo Hợp đồng số 20/2008/Vitaco-HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2008. Số tiền vay tối đa là 30.000.000 USD, dùng để đầu tư cho dự án mua tàu Petrolimex 11. Thời hạn vay là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất được quy định theo Phụ lục số 20/2008/VITACO-HĐTD/PL05 ngày 20 tháng 6 năm 2012, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 (ba) tháng/lần, và bằng lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của PGBank và BIDV-SDG1 cộng (+) biên độ 3,2%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PVFC (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt nam - PV Combank) tại ngày xác định lãi suất. Trong đó, lãi suất cho vay tối thiểu của PVFC là lãi suất sử dụng vốn tối thiểu do Tổng Giám đốc PVFC phê duyệt/ban hành tại từng thời kỳ và được PVFC thông báo cho ngân hàng đầu mối tại ngày xác định lãi suất. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 9.000.000 USD, tương đương 202.860.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.500.000 USD, tương đương 288.967.500.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính bao gồm 02 hợp đồng vay:

- a) Hợp đồng số 01/2008/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2008 với tổng số tiền vay là 15.000.000 USD và 137.374.760.675 đồng tương đương với 7.400.000 USD. Theo Phụ lục số 01/2008/VITACO.VCB-HĐTD ngày 09 tháng 9 năm 2008, khoản nợ vay bằng VND đã được chuyển đổi thành khoản nợ vay USD là 8.288.070 USD. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 12 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 04/2014/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 20 tháng 8 năm 2014, lãi suất được quy định là LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2.5%/năm, tuy nhiên mức lãi suất sàn áp dụng không thấp hơn 8,0%/năm. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 12 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 2.357.733.50 USD, tương đương 53.143.313.090 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.865.111,50 USD, tương đương 104.137.711.657 đồng).
- b) Hợp đồng số 02/2008/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2008 với tổng số tiền cho vay là 22.500.000 USD, nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 14 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất được quy định là lãi suất huy động tiết kiệm bằng USD kỳ hạn 12 tháng của cá nhân trả lãi sau mà Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương công bố vào ngày xác định lãi suất cộng với lãi suất biên 2.9%/năm và không thấp hơn lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 14 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 4.696.700 USD, tương đương 105.863.618.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.131.900 USD, tương đương 152.658.319.500 đồng).

Tổng số dư nợ gốc vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 159.006.931.090 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 256.796.031.157 đồng).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	238.821.071.090	262.105.894.590
Trong năm thứ hai	156.517.760.000	258.902.754.067
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	101.430.000.000	244.958.820.000
	496.768.831.090	765.967.468.657
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	238.821.071.090	262.105.894.590
Số phải trả sau 12 tháng	257.947.760.000	503.861.574.067

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	195.098.088.307	24.266.415.142	45.875.974.899	1.052.111.568.681
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.472.366.799	52.472.366.799
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.506.868.354	2.293.798.745	(13.800.667.099)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.415.308.000)	(8.415.308.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(47.319.999.600)	(47.319.999.600)
Số dư tại ngày 31/12/2014	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	206.604.956.661	26.560.213.887	28.812.366.999	1.048.848.627.880
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	26.560.213.887	(26.560.213.887)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 (Phân loại lại)	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	-	28.812.366.999	1.048.848.627.880
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	54.834.317.276	54.834.317.276
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	11.925.700.399	-	(11.925.700.399)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(7.886.666.600)	(7.886.666.600)
Số dư tại ngày 31/12/2015	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	-	54.834.317.276	1.086.796.278.556

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thực hiện chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ là 1% tương ứng với số tiền là 7.886.666.600 đồng; đồng thời thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền lần lượt là 11.925.700.399 đồng và 9.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	VND		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	414.652.170.000	51,92%	414.652.170.000	414.652.170.000		
Các cổ đông khác	384.014.490.000	48,08%	384.014.490.000	384.014.490.000		
	798.666.660.000	100%	798.666.660.000	798.666.660.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Số lượng cổ phần Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 79.866.666 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.866.666	79.866.666
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.000.000	1.000.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.866.666	78.866.666
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	895,82	50.038,76

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	772.128.705.058	716.560.378.441
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu vận tải biển	761.711.836.942	704.334.246.345
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	10.416.868.116	12.226.132.096
	<u>772.128.705.058</u>	<u>716.560.378.441</u>
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan	772.128.705.058	716.560.378.441

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ vận tải	617.929.520.159	568.782.376.269
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	7.368.866.583	7.993.019.544
	<u>625.298.386.742</u>	<u>576.775.395.813</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.797.505.281	36.808.842.980
Chi phí nhân công	82.351.064.837	79.946.995.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	254.985.352.187	255.093.132.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.982.739.547	184.916.690.498
Chi phí khác	74.099.857.136	44.609.480.915
	<u>658.216.518.988</u>	<u>601.375.142.488</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	714.291.616	1.544.058.143
Lãi chênh lệch tỷ giá	458.118.812	380.851.278
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	200.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.360.158.742	11.372.747.568
	<u>21.732.569.170</u>	<u>13.297.656.989</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	35.934.468.667	55.345.002.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.948.661.303	11.395.471.760
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(757.983.508)	(1.614.941.623)
Chi phí tài chính khác	500.000	1.469.178.949
	<u>70.125.646.462</u>	<u>66.594.711.428</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.269.808.480	13.483.434.990
Chi phí thuê văn phòng	3.128.456.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.310.977.067	1.380.940.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	5.806.866.915	3.615.305.566
Chi phí khác	8.402.023.784	6.120.065.401
	<u>32.918.132.246</u>	<u>24.599.746.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	332.727.272	-
Khác	260.407.462	2.185.285.403
	593.134.734	2.185.285.403

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.575.116.994	10.910.805.211
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm	16.891.700	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.592.008.694	10.910.805.211

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	65.426.325.970	63.383.172.010
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(20.722.591.219)	(11.382.288.336)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.570.988.246	1.872.611.287
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	48.274.722.997	53.873.494.961
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.575.116.994	10.910.805.211

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.128.456.000	-

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.128.456.000	3.128.456.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	3.128.456.000
	3.128.456.000	6.256.912.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và phí quản lý 628 m² lầu 8 và lầu 9, tòa nhà Viet Dragon tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 02 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	496.768.831.090	765.967.468.657
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	58.152.512.970	62.910.959.355
Nợ thuần	438.616.318.120	703.056.509.302
Vốn chủ sở hữu	<u>1.086.796.278.556</u>	<u>1.048.848.627.880</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,40</u>	<u>0,67</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.152.512.970	62.910.959.355
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu khác	91.047.295.340	79.451.094.882
Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	9.000.000.000
Tổng cộng	<u>151.199.808.310</u>	<u>151.362.054.237</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	496.768.831.090	765.967.468.657
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	27.362.421.635	53.303.307.135
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.326.756.211	18.093.644.727
Tổng cộng	<u>531.458.008.936</u>	<u>837.364.420.519</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	515.039.900.473	787.929.480.911	1.874.730.580	1.071.079.658
Đô la Singapore (SGD)	226.975.295	1.007.510.031	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng 5% so với Đô la Mỹ và Đô la Singapore. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Đô la Singapore so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(25.658.258.495)	(204.823.654.932)
Đô la Singapore (SGD)	(11.348.765)	(50.375.502)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<u>Tăng/(Giảm)</u> <u>số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến</u> <u>lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	+200	(9.935.376.622)
VND	-200	9.935.376.622
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(15.319.349.373)
VND	-200	15.319.349.373

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ Công ty mẹ và một số lượng hạn chế khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.152.512.970	-	58.152.512.970
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu khác	89.656.091.340	1.391.204.000	91.047.295.340
Đầu tư dài hạn khác	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	147.808.604.310	3.391.204.000	151.199.808.310

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	238.821.071.090	257.947.760.000	496.768.831.090
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	27.362.421.635	-	27.362.421.635
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.326.756.211	-	7.326.756.211
Tổng cộng	273.510.248.936	257.947.760.000	531.458.008.936

Chênh lệch thanh khoản thuần	(125.701.644.626)	(254.556.556.000)	(380.258.200.626)
-------------------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.910.959.355	-	62.910.959.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.059.890.882	1.391.204.000	79.451.094.882
Đầu tư dài hạn khác	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Tổng cộng	140.970.850.237	10.391.204.000	151.362.054.237

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	262.105.894.590	503.861.574.067	765.967.468.657
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	53.303.307.135	-	53.303.307.135
Chi phí phải trả	18.093.644.727	-	18.093.644.727
Tổng cộng	333.502.846.452	503.861.574.067	837.364.420.519

Chênh lệch thanh khoản thuần	(192.531.996.215)	(493.470.370.067)	(686.002.366.282)
-------------------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty
liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
Các công ty con của Công ty**Mối quan hệ**Công ty mẹ toàn Tập đoàn
Công ty mẹ của Công ty
Các đơn vị cùng Tập đoàn

Các đơn vị do Công ty nắm quyền
kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	572.441.737.978	548.595.028.756
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	199.686.967.080	167.965.349.685
	772.128.705.058	716.560.378.441
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn - Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	11.231.378.100	14.087.226.982
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	630.357.595	406.848.614
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	18.723.511.948	12.578.458.237
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	50.344.250	130.229.495
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	116.662.217	-
Tổng Công ty Bảo hiểm Petrolimex	124.649.876	-
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	424.428.646	1.542.966.937
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	387.450.000	376.698.000
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	-	316.523.575
Công ty Bảo hiểm Pjico Sài Gòn	17.569.554.580	15.977.911.653
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	222.867.719	125.178.985
	49.481.204.931	45.542.042.478

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	60.323.802.000	47.598.274.848
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100.654.140	7.491.172.065
	60.424.456.140	55.089.446.913
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	19.542.064.658	12.150.023.942
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	1.259.345.196	1.457.960.234
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	6.650.270.167	9.358.459.793
	27.451.680.021	22.966.443.969

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	3.613.078.025	3.834.339.129
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn - Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	2.343.922.460	1.711.778.883
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	1.359.073.028
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	202.008.200	96.570.618
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	66.811.500	14.244.300
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	-	187.772.673
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	-	771.302.983
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	621.909.304
	6.225.820.185	8.596.990.918
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	36.363.636.364	-
	36.363.636.364	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		
Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex	1.150.572.660	12.567.742.459
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	881.971.125	670.151.381
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	835.116.444	2.149.427.412
Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco	761.299.450	734.292.108
	3.628.959.679	16.121.613.360

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Chi tiết như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	
A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
I. Tài sản						
1. Phải thu khách hàng	131	55.089.446.913	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	55.089.446.913	Đổi tên
2. Trả trước cho người bán	132	2.691.007.213	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2.691.007.213	Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	23.298.950.488	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	24.590.282.561	Phân loại lại và đổi tên
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.291.332.073	4. Tài sản ngắn hạn khác	155		- Phân loại lại
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	5. Phải thu dài hạn khác	216	1.391.204.000	Phân loại lại
6. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.000.000.000	6. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.000.000.000	Đổi tên
7. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(54.628.359.711)	7. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(54.628.359.711)	Đổi tên
8. Tài sản dài hạn khác	268	1.391.204.000	8. Tài sản dài hạn khác	268		- Phân loại lại
II. Nguồn vốn						
1. Phải trả người bán	312	25.349.353.070	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	25.349.353.070	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	37.346.065.327	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.093.644.727	Phân loại lại và đổi tên
3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19.252.420.600	Phân loại lại
4. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	798.666.660.000	4. Vốn góp của chủ sở hữu	411	798.666.660.000	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			5. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	798.666.660.000	Phân loại lại và đổi tên
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	206.604.956.661	6. Quỹ đầu tư phát triển	418	233.165.170.548	Phân loại lại
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	26.560.213.887	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể	421a		- Phân loại lại và đổi tên
			đến cuối năm trước			
			8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	28.812.366.999	Phân loại lại và đổi tên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 (VND)	
B. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ						
1. Các khoản (hoàn nhập)/dự phòng	03	(1.614.941.623)	1. Các khoản dự phòng	03	3.770.312.506	Phân loại lại
2. Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.260.499.770	2. Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.875.245.641	Phân loại lại và đổi tên
3. Thay đổi các khoản phải thu	09	10.121.111.630	3. Thay đổi các khoản phải thu	09	11.502.315.630	Phân loại lại
4. Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1.381.204.000)	4. Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.762.408.000)	Phân loại lại và đổi tên

Phan Nhân Tri
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc